

**THÔNG BÁO**

**Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi**

**- Theo khối ngành**

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	-
2	Khối ngành II	-
3	Khối ngành III	-
4	Khối ngành IV	-
5	Khối ngành V	15,3
6	Khối ngành VI	-
7	Khối ngành VII	18,1

**- Theo ngành**

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	19,2
2	Ngành Kỹ thuật cơ khí	13,2
3	Ngành Kỹ thuật vật liệu	3,9
4	Ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	18,8
5	Ngành Kỹ thuật máy tính	17,7
6	Ngành Kỹ thuật cơ điện tử	19,3
7	Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô	19,9
8	Ngành Kỹ thuật điện	18,8
9	Ngành Kinh tế công nghiệp	5,7
10	Ngành Quản lý công nghiệp	9,1
11	Ngành Công nghệ chế tạo máy	17,5
12	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	19,2
13	Ngành Kỹ thuật xây dựng	9,9
14	Ngành Kỹ thuật môi trường	1,8
15	Ngành Kỹ thuật cơ khí (CT tiên tiến)	3,5
16	Ngành Kỹ thuật điện (CT tiên tiến)	7,0
17	Ngành Kỹ thuật cơ khí động lực	15,5
18	Ngành Ngôn ngữ Anh	18,1

**Số liệu tính đến: Tháng 6/2022**

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 7 năm 2022

**KT, HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**TS. Đỗ Trung Hải**